

Bản án số: 40/2018/HSST
Ngày 26/10/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn M Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Sự.
2. Ông Lê Tiến Dũng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Thúy Hằng - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh H;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Anh T - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 39/2018/HSST ngày 21/9/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/HSST - QĐ ngày 04/10/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phương Công T, Sinh năm 1985, Giới tính: Nam.

Sinh trú quán: Thôn Đ, xã L, thành phố H, tỉnh H.

Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Họ và tên bố: Phương Văn A, sinh năm 1959.

Họ và tên mẹ: Phạm Thị T, sinh năm 1961.

Họ và tên anh: Phương Công T, sinh năm 1984.

Tiền án: Ngày 25/5/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh H xử phạt 09 năm tù về tội Cướp tài sản và tội Cướp giật tài sản.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/8/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh từ ngày 16/3/2018 (bị cáo T hiện Đ điều trị bệnh Lao phổi tại Bệnh viện lao và bệnh phổi Hưng Yên và Đ điều trị HIV). (Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Lê Xuân Tr, Sinh năm 1995, Giới tính: Nam.

Sinh trú quán: Đội 5, thôn A, phường A, thành phố H, tỉnh H.

Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: Lớp 7/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Họ và tên bố: Lê Văn H, sinh năm 1968.

Họ và tên mẹ: Đinh Thị L, sinh năm 1971.

Họ và tên anh: Lê Thanh T, sinh năm 1991.

Họ và tên vợ: Nguyễn Huyền N, sinh năm 1996.

Bị cáo có 01 con sinh năm 2015.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 23/12/2015 bị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

Nhân thân: Ngày 08/9/2014 bị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/9/2017 đến ngày 29/9/2017 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo Đ bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H.

(Có mặt tại phiên tòa)

3. Họ và tên: Đào Xuân Th. Sinh năm 1992, Giới tính: Nam

Sinh trú quán: thôn Vân Ph, xã L, thành phố H, tỉnh H.

Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Họ và tên bố: Đào Xuân M, sinh năm 1959.

Họ và tên mẹ: Bùi Thị G, sinh năm 1970.

Họ và tên chị: Đào Thị T, sinh năm 1990.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 29/5/2015 bị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/9/2017 đến ngày 03/10/2017 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo Đ bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

(Có mặt tại phiên tòa)

4. Họ và tên: Vũ Văn O. Sinh năm 1992, Giới tính: Nam

Sinh trú quán: thôn Nh, phường H, thành phố H, tỉnh H.

Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: Lớp 7/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Họ và tên bố: Vũ Văn T, sinh năm 1967 (đã chết).

Họ và tên mẹ: Trần Thị C, sinh năm 1962 (đã chết).

Họ và tên anh: Vũ Văn A, sinh năm 1991.

Tiền án: Ngày 25/8/2011 bị Toà án nhân dân tỉnh H xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

Ngày 30/9/2011 bị Toà án nhân thành phố Hải Dương xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 01/7/2018 bị Chủ tịch UBND thị xã Hưng Yên quyết định đưa vào Tr giáo dưỡng.

Ngày 03/12/2010 bị Công an phường H thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/10/2017 đến ngày 06/10/2017 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo Đ bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

(Có mặt tại phiên tòa)

5. Họ và tên: Mai Văn T, Sinh năm 1986, Giới tính: Nam

Sinh trú quán: Đội 11, thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh H.

Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Họ và tên bố: Mai Văn Th, sinh năm 1961.

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1964.

Họ và tên anh: Mai Văn Th, sinh năm 1983.

Họ và tên em: Mai Văn Th, sinh năm 1989.

Tiền án: Ngày 25/5/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh H xử phạt 08 năm tù về tội Cướp tài sản.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/8/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/9/2017. Hiện bị cáo Đ bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

(Có mặt tại phiên tòa)

* **Người bị hại:** Anh Nguyễn Văn V, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn Đ, Trung Nghĩa, thành phố H, tỉnh H. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/ Chị Lê Thị Lan A, sinh năm: 1981. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh H.

2/ Anh Trần Quang T, sinh năm: 1992. Vắng mặt.

Địa chỉ: Đội 6, thôn Đ, xã L, thành phố H, tỉnh H.

3/ Anh Lê Hồng Q, sinh năm: 1992. Vắng mặt.

Địa chỉ: Đội 12, thôn A 1, xã L, thành phố H, tỉnh H.

4/ Anh Phạm Quang V, sinh năm: 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A 2, xã L, thành phố H, tỉnh H.

5/ Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ: xã H, thành phố H, tỉnh H.

6/ Anh Lê Văn M, sinh năm: 1988. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh H.

7/ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1960. Vắng mặt.

Địa chỉ: Đội 14, thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh H.

8/ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1965. Vắng mặt.

9/ Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm: 1989. Vắng mặt.

Ông Đ, anh Ch cùng địa chỉ: Đội 2, thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh H.

10/ Bà Đinh Thị L, sinh năm: 1971. Có mặt.

Địa chỉ: Đội 5, thôn A, phường A, thành phố H, tỉnh H.

11/ Bà Bùi Thị G, sinh năm: 1970. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Vân Ph, xã L, thành phố H, tỉnh H.

12/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1964. Có mặt.

Địa chỉ: Đội 11, thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh H.

*** Người làm chứng:**

1/ Chị Lê Thị N, sinh năm: 1994. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn An Chiểu, xã L, thành phố H, tỉnh H.

2/ Chị Lê Thị Ng, sinh năm: 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh H.

3/ Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1974. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh H.

4/ Anh Đỗ Quang Q, sinh năm: 1982. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn L, xã V, huyện K, tỉnh H.

5/ Anh Hồ Tiến D, sinh năm: 1988. Vắng mặt.

Địa chỉ: Đội 14, thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh H.

6/ Chị Nguyễn Thị O, sinh năm: 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ: Hồ Đắc Di, phường A, thành phố H, tỉnh H.

7/ Anh Đinh Văn B, sinh năm: 1972. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 72 đường Nguyễn Văn L, An Tảo, thành phố H, tỉnh H.

8/ Anh Lê Phong L, sinh năm: 1999. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 18 đường Nguyễn Văn H, An Tảo, thành phố H.

9/ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1979. Vắng mặt.

Địa chỉ: phố A, phường A, thành phố H, tỉnh H.

10/ Anh Lưu Hoàng L, sinh năm: 1983. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn L, xã L, huyện K, Hưng Yên.

11/ Anh Đào Đức L, sinh năm: 1970. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Công Hoan, phường L, thành phố H, tỉnh H.

12/ Anh Nguyễn Văn Điện, sinh năm: 1963. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Bông Th, xã Đ, huyện K.

13/ Anh Đỗ Đình V, sinh năm: 1987. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn T, huyện D, tỉnh H.

14/ Anh Phạm Đức Hùng, sinh năm: 1974. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Mão Đ, xã Hồ Tùng M, huyện A, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 02/8/2017, Lê Văn M, sinh năm 1988, trú tại thôn Đ, xã T, thành phố H cùng chị Lê Thị Lan A, sinh năm 1981; chị Phạm Thị T, sinh năm 1974; chị Lê Thị Ng, sinh năm 1990; Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1991 đều trú tại thôn Đ, xã T, thành phố H và Nguyễn Quang Điệp, sinh năm 1982, trú tại xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, Hưng Yên; anh Đỗ Quang Q, sinh năm 1982, trú tại xã V, huyện K, tỉnh H; Đỗ Đức Công, sinh năm 1980 trú tại Trần Cao, huyện Phù Cừ, tỉnh H rủ nhau đi hát tại quán Karaoke Bình M ở đường Hồ Đắc Di, phường A, thành phố H. Tại đây, M có gọi Lê Thị N, sinh năm 1994, trú tại thôn An Chiêu, xã L, thành phố H và một số nhân viên nữ đến bấm chọn bài hát và rót bia. Trong quá trình phục vụ giữa Ngọc và Nguyệt (vợ của M) có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc Nguyệt và Ngọc xông vào đánh, cãi nhau. Lúc này, có chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993 trú tại xã H, thành phố H (là quản lý của Ngọc và các nhân viên nữ) đến quán can ngăn nhưng không được. Thảo bị đuổi ra ngoài liền gọi điện

thoại cho Phạm Quang V, sinh năm 1986 biết việc Ngọc và các nhân viên nữ bị đánh tại quán Bình M. Đồng thời Thảo cũng gọi điện cho Q và T thông báo sự việc. Khoảng 30 phút sau, có Q và T cùng 02 thanh niên lạ mặt đi taxi tới quán Bình M và có mang theo gậy, tuýp sắt. Lúc này, nhóm của M đã đi xuống trước cửa quán đứng ở vỉa hè đường Hồ Đắc Di. Q và T cầm tuýp sắt vụt chị Lan Anh và Công. Sau đó được mọi người can ngăn, Q và T không đánh Lan Anh và Công nữa. Lúc này, Vinh đi xe mô tô (không rõ biển số xe) đến quán gặp và nói chuyện với nhóm của M. Giữa M và Vinh xảy ra to tiếng cãi chửi nhau. V (là người trong nhóm của M) xông vào đánh Vinh thì bị Vinh cầm 01 ghế gấp vụt trúng người phải bỏ chạy. Vinh thấy V bỏ chạy thì đi bộ về phía ngã tư Hồ Đắc Di và Đặng Văn Ngữ cách nhà hàng Bình M khoảng 20 m đứng nói chuyện điện thoại. Anh Đinh Văn B, sinh năm 1972 là chủ quán đi ra chỗ Vinh để nói chuyện. Lúc này, M lên xe ô tô nhãn hiệu Kia K3 màu đen (loại xe 5 chỗ) biển số 89A-05881 điều khiển đi với tốc độ rất nhanh về phía anh Bình và anh Vinh Đ đứng. Thấy vậy, anh Bình bỏ chạy lên vỉa hè còn Vinh bỏ chạy về hướng đường Đặng Văn Ngữ. M điều khiển xe ô tô rẽ trái vào đường Đặng Văn Ngữ và đâm trúng, hất anh Vinh ngã ra đường. Sau đó, M điều khiển xe ô tô đi khỏi hiện Tr. V thấy anh Vinh ngã ra đường liền chạy tới chỗ Vinh dùng chân đạp vào vùng mặt Vinh rồi quay ra chỗ dựng xe mô tô để bỏ đi. Anh Vinh được người dân xung quanh đưa đi cấp cứu.

Khoảng hơn 23 giờ 48 phút cùng ngày, sau khi anh Vinh bị xe của M đâm trên đường Hồ Đắc Di, giữa V và Vũ Văn O, sinh năm 1992, HKTT Đội 3, khu phố Nhân Dục, phường H, thành phố H; Đào Xuân Th, sinh năm 1992, trú tại Đội 14, thôn Vân Ph, xã L, thành phố H; Lê Xuân Tr, sinh năm 1995, trú tại Đội 5, phường A, thành phố H có xảy ra mâu thuẫn lời qua tiếng lại dẫn đến việc Tr, T và O đuổi đánh anh V. Anh V bỏ chạy dưới lòng đường Hồ Đắc Di hướng về đường Đặng Văn Ngữ được khoảng 100 m thì bị Tr tóm vào áo làm V ngã xuống đường. Sau đó, Tr và O dùng chân tay không đánh vào người, vùng bụng của V khiến cho V bị ngất, bất tỉnh; Tr, T, O liền bỏ đi. Lúc này, V được mọi người đưa vào cấp cứu tại khoa chấn thương bệnh viện đa khoa tỉnh H.

Khi Vinh bị M điều khiển xe ô tô đâm gây thương tích, bị V đạp vào mặt sau khi đã bị ngã, Phương Công T, sinh năm 1985, trú tại Đội 7, Thôn Đ, xã L, thành phố H (là bạn Vinh) có chứng kiến. T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu trắng xanh (không rõ biển số) của O đi đến đón Mai Văn T, sinh năm 1986, trú tại Đội 11, thôn A 1, xã L, thành phố H Đ ở khu vực nhà nghỉ Kông Hoàng Đế quay lại trước cửa quán Bình M. Lúc này, T rủ Th vào viện thăm Vinh, Th đồng ý. Trên đường đi Th nhặt được 04 thanh tuýp sắt, mỗi thanh dài khoảng 80 cm liền cầm theo. T chở Th đến khu vực đường Hải Thượng Lãn Ông thì gặp O Đ đi bộ, T rủ O đi cùng thì O đồng ý. T, O, Th

đi đến gần Bệnh viện đa khoa tỉnh H thì gặp T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave màu trắng (không rõ biển số xe của Nghị) chở Nghị (không rõ tên, tuổi và địa chỉ của Nghị) và Tr. T rủ bị can T, Tr và đối tượng Nghị vào bệnh viện thăm Vinh thì cả ba đều đồng ý. Lúc này, Th đưa cho Tr 02 thanh tuýp sắt, đưa cho O 01 tuýp sắt còn mình cầm 01 tuýp sắt. Các bị can đi 02 xe mô tô vào trong Bệnh viện đa khoa tỉnh H.

Khoảng 00 giờ 05 phút ngày 03/8/2018, các đối tượng nêu trên đi đến khu vực sảnh khoa cấp cứu của Bệnh viện đa khoa tỉnh H, dựng xe trước sảnh, T đi vào trước, Tr, O, T và Th đi theo sau hướng về buồng cấp cứu khoa chấn thương của bệnh viện. Nghị không vào cùng nhóm của T mà đứng ngoài sảnh nghe điện thoại. T vào buồng cấp cứu của khoa chấn thương trước, T nhìn thấy V Đ được cấp cứu tại đây. T quay lại chỉ cho O, Th, T, Tr biết V là người vừa đập vào đầu Vinh sau khi Vinh bị ô tô đâm. Vừa chỉ, T vừa bảo với Tr, O, T, Th vút gãy chân của V. Sau đó, T quay ra sảnh khoa cấp cứu đợi. Nghe thấy T bảo vút gãy chân V thì O, Th, T, Tr xông vào dùng tuýp sắt, chân tay không vút, đập vào vị trí vùng chân, vùng đầu của V. Trong đó, Tr, O, Th dùng tuýp sắt vút vào chân V còn T dùng chân không đập nhiều nhất vào vùng vai, gáy của V làm vùng đầu của V bị va đập vào cánh và cột nhà. Sau khi đánh gây thương cho V xong thì cả nhóm đi ra vị trí để xe mô tô, được T và Nghị chở đi. Hậu quả anh V bị chấn thương vùng đầu mặt, gãy chân phải được cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh H, sau đó cùng ngày đã chuyển điều trị tại Bệnh viện V Đức đến ngày 17/8/2017 chuyển về điều trị tại Bệnh viện đa khoa đến ngày 01/9/2017 thì ra viện. Quá trình các bị can đánh gây thương cho V thì lực lượng bảo vệ bệnh viện đã can ngăn, thu giữ 02 tuýp sắt.

Bản kết luận pháp y về thương tích số 53/2017/TgT ngày 26/9/2017 của Trung T pháp y Sở y tế tỉnh H kết luận: Tại thời điểm giám định anh V có 01 vết sẹo nhỏ chéo vùng trán phía trên cung mày phải tỷ lệ tổn thương cơ thể là 3 %; Vỡ xương thái dương trái lan vào xương đá tỷ lệ tổn thương cơ thể là 20 %; Chảy máu khoang dưới nhện vùng trán đỉnh phải tỷ lệ tổn thương cơ thể là 16 %; Tụ máu dưới màng cứng bán cấp vùng trán thái dương hai bên chủ yếu vùng trán chỗ dày nhất là 10 – 11 mm tỷ lệ tổn thương cơ thể là 30 %; Nhu mô não vùng đỉnh phải có ổ đọng dập chảy máu KT 6 mm tỷ lệ tổn thương cơ thể là 31 %; Điếc dẫn truyền 2 tay mức độ nhẹ, nghe kém 2 tai tỷ lệ tổn thương cơ thể là 09 %; Chấn thương gan trái độ III, điều trị nội khoa bảo tồn tỷ lệ tổn thương cơ thể là 09 %; gãy 1/3 dưới xương mác cẳng chân phải, cal lệch $\frac{1}{2}$ thân xương tỷ lệ tổn thương cơ thể là 10 %. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho V là 77 % (cộng theo phương pháp cộng lùi). Cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc và vật tày cứng gây nên.

Vật chứng được Cơ quan điều tra thu giữ gồm:

- 02 gậy tròn (tuýp sắt) bằng kim loại, có cùng đường kính 2, 5 cm và dài 79 cm.

- 01 đĩa DVD có chứa hình ảnh do Camera ghi lại hình ảnh vụ việc tại Bệnh viện đa khoa tỉnh H; 02 đĩa DVD có chứa hình ảnh do Camera ghi lại tại quán Karaoke Bình M.

Quá trình điều tra Tr, T, Th, O đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai của người bị hại, người làm chứng, hiện Tr vụ án và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cơ quan điều tra Phương Công T không thừa nhận hành vi xúi giục, kích động các bị can Tr, O, T, Th vụt, đánh gây thương tích cho anh V. Tuy nhiên các bị can Tr, O đều khẳng định có nghe thấy T xúi giục đánh V và do T xúi giục nên mới đánh gây thương tích cho anh V vì trước đó Tr, O không có quan hệ, mâu thuẫn gì đối với V. Do đó, đủ căn cứ xác định T đã có hành vi xúi giục các bị can Tr, O, T, Th đánh gây thương tích cho V.

Tại bản cáo trạng số 23/QĐ-VKS-HS ngày 30/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tỉnh H đã truy tố các bị cáo Phương Công T, Lê Xuân Tr, Đào Xuân, Vũ Văn O, Mai Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa ngày 11/9/2018 Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung để xem xét hành vi của Vinh đập ghế vào người anh V, Thảo gọi điện cho T, T có cầm gậy sắt đánh V không?

Và tại phiên tòa này người bị hại và các bị cáo đã thống nhất bồi thường thêm với tổng số tiền là: 72.591.000đ, là tiền bồi thường về tổn thất về tinh thần, tiền bồi dưỡng, tiền công người trông non, công mất thu nhập..., chia ra mỗi bị cáo phải bồi thường 14.518.200đ, tại phiên tòa bị cáo Tr đã nhờ gia đình bồi thường 15.000.000đ cho bị hại, người bị hại đã viết giấy nhận đủ số tiền 15.000.000đ không có yêu cầu bị cáo Tr phải bồi thường thêm, người bị hại không yêu cầu thêm đối với bị cáo Tr, bị cáo Tr bồi thường thừa cho người bị hại, bị cáo tự nguyện không lấy lại số tiền thừa.

Sau khi Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung đến ngày 21/9/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố H trả hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố H với nội dung những vấn đề Tòa yêu cầu điều tra bổ sung cơ quan điều tra đã làm rõ. Nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên bản cáo trạng truy tố các bị cáo.

Tại phiên tòa ngày 18/10/2018 vắng mặt không có lý do người bị hại Anh Nguyễn Văn V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Lan A, anh Trần Quang T, chị Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Văn Ch, người làm chứng chị Lê Thị N, chị Lê Thị Ng, chị Phạm Thị T, anh Đỗ Quang Q, anh Hồ Tiến D, anh Đình Văn

B, anh Lê Phong L, anh Phạm Đức Hùng, chị Nguyễn Thị O nên HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo Tr, T, O, Th thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Bị cáo T không thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

- Người được người bị hại ủy quyền ông Nguyễn Văn Đ trình bày quan điểm: Đề nghị Tòa án xử các bị cáo theo qui định pháp luật. Về phần dân sự: Giữ nguyên quan điểm bị hại Anh Nguyễn Văn V trình bày tại các phiên tòa trước và đã có đơn đề nghị tòa giải quyết về TNDS.

- Quan điểm đại diện Viện kiểm sát:

Tuyên bố các bị cáo Phương Công T, Mai Văn T, Đào Xuân Th, Lê Xuân Tr, Vũ Văn O phạm tội Cố ý gây thương tích.

- Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm a khoản 2 Điều 49; điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phương Công T phạm tội Cố ý gây thương tích.

Xử phạt bị cáo T từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 3 Điều 104; khoản 1 Điều 49; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Văn O phạm tội Cố ý gây thương tích.

Xử phạt bị cáo O từ 05 năm 06 tháng đến 05 năm 09 tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bắt tạm giữ.

- Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm a khoản 2 Điều 49; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Mai Văn T phạm tội Cố ý gây thương tích.

Xử phạt bị cáo Th từ 05 năm 6 tháng đến 05 năm 09 tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam.

- Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đào Xuân Th phạm tội Cố ý gây thương tích.

Xử phạt bị cáo T từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bắt tạm giữ.

- Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 47 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Xuân Tr phạm tội Cố ý gây thương tích.

Xử phạt bị cáo Tr từ 03 năm đến 04 năm tù. Thời hạn tính từ ngày bắt tạm giữ.

Áp dụng Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao buộc các bị cáo T, T, Th, O phải liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 57.591.000 đồng Mỗi bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền từ 14. 397.750 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời hạn chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án tính theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS tuyên tịch thu cho tiêu huỷ 02 gậy tròn dạng tuýp sắt bằng kim loại có đường kính 2, 5 cm ; dài 79 cm.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Trong giai đoạn điều tra và truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục như ban hành các quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Về hành vi thứ nhất xảy ra tại trước cửa quán Karaoke Bình M:

Lời khai nhận tội của các bị cáo Tr, O, T tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại Anh Nguyễn Văn V và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa như: Biên bản xác định hiện Tr, sơ đồ và bản ảnh hiện Tr, bản kết luận pháp y về thương tích số 53/2017/TgT ngày 26/9/2017 của

Trung T pháp y Sở y tế tỉnh H, vật chứng vụ án, các đĩa DVD chứa hình ảnh do camera ghi lại tại quán Karaoke Bình M, phù hợp với lời khai của các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

Hành vi thứ hai xảy ra tại Bệnh viện đa khoa tỉnh H:

Lời khai nhận tội của các bị cáo Tr, T, Th, O tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại Anh Nguyễn Văn V và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa như: Biên bản xác định hiện Tr, sơ đồ và bản ảnh hiện Tr, bản kết luận pháp y về thương tích số 53/2017/TgT ngày 26/9/2017 của Trung T pháp y Sở y tế tỉnh H, vật chứng vụ án, các đĩa DVD chứa hình ảnh do camera ghi lại tại bệnh viện đa khoa tỉnh H, phù hợp với lời khai của các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

Đối với bị cáo T trong quá trình điều tra và tại các phiên tòa trước cũng như tại các phiên tòa hôm nay, bị cáo không thừa nhận hành vi xúi dục các bị cáo Tr, O, Th, T đánh anh V trong khoa cấp cứu bệnh viện đa khoa tỉnh H. Nhưng căn cứ vào lời khai của bị cáo Tr, O tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay hai bị cáo này trình bày. Khi thấy anh V nằm trên cáng tại khoa cấp cứu bệnh viện, T có nói với các bị cáo là “thằng này vừa đập anh Vinh khi anh Vinh bị ngã, chúng mày vụt gãy chân nó, tội đầu anh chịu”, phù hợp với vật chứng vụ án, các đĩa DVD chứa hình ảnh do camera ghi lại tại Bệnh viện đa khoa tỉnh H, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nên có đủ cơ sở để buộc tội bị cáo đã xúi dục các bị cáo Tr, O, T, Th đánh người bị hại, và việc các bị cáo Tr, O, Th vụt vào chân anh V, bị cáo T đập vào vai và gáy anh V nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình gây ra.

Trên cơ sở đó có đầy đủ chứng cứ kết luận: Khoảng 23 giờ 50 phút ngày 02/8/2017, tại khu vực đường Hồ Đắc Di thuộc phường A, thành phố H do có xô xát cãi nhau nên Lê Xuân Tr, Đào Xuân Th và Vũ Văn O đã đuổi đánh và gây thương tích cho anh V. Trong đó Tr và O trực tiếp dùng chân tay không đảm, đá gây thương tích tại vùng bụng của anh V, khiến cho anh V bị Chấn thương gan trái độ III, điều trị nội khoa bảo tồn tỷ lệ tổn thương cơ thể là 09 %.

Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 03/8/2017 tại phòng cấp cứu của khoa chấn thương Bệnh viện đa khoa tỉnh H Phương Công T đã có hành vi xúi giục các bị cáo Lê Xuân Tr, Đào Xuân Th và Vũ Văn O đánh gây thương tích cho anh V. Các bị cáo Tr, O, Th mỗi bị cáo đã cầm tuýp sắt vụt vào chân anh V khiến cho anh V bị gãy 1/3 dưới xương mác cẳng chân phải, cal lệch $\frac{1}{2}$ thân xương tỷ lệ tổn thương cơ thể là 10 %. Bị cáo T dùng chân không đập nhiều nhất vào vùng vai, gáy của anh V khiến anh V bị 01 vết sẹo nhỏ chéo vùng trán phía trên cung mày phải tỷ lệ tổn thương cơ thể là 3 %; Vỡ xương thái dương trái lan vào xương đá tỷ lệ tổn thương cơ thể là 20 %; Chảy máu khoang dưới nhện vùng trán đỉnh phải tỷ lệ tổn thương cơ thể là 16 %; Tự máu dưới màng cứng bán cấp vùng trán thái dương hai bên chủ yếu vùng trán chỗ dày

nhất là 10 – 11 mm tỷ lệ tổn thương cơ thể là 30 %; Nhu mô não vùng đỉnh phải có ổ đưng dập chảy máu KT 6 mm tỷ lệ tổn thương cơ thể là 31 %; Đốt dẫn truyền 2 tay mức độ nhẹ, nghe kém 2 tai tỷ lệ tổn thương cơ thể là 09 %.

Các bị cáo Tr, T, O phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích đã gây ra cho anh V là 77 %.

Bị cáo T và bị cáo Th phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích đã gây ra cho anh V là 68 %.

Việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố các bị cáo về tội danh và áp dụng điều luật như Cáo trạng viện dẫn là đúng người, đúng tội, đúng qui định pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm vào sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương và mất trật tự tại bệnh viện là nơi chữa bệnh cho người dân. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã từng bị cơ quan pháp luật xử lý, nhận thức rõ được hành vi dùng thanh kim loại là hung khí nguy hiểm tấn công người khác sẽ gây nguy hại đến sức khỏe của người đó nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện sự coi thường pháp luật. Nên đối với các bị cáo phải xét xử bằng một bản án có mức hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội của mình gây ra.

Đây là vụ án có đồng phạm, trong quá trình gây thương tích cho anh V tại Hồ Đắc Di, các bị cáo Tr, T, O không bàn bạc từ trước đã cùng đuổi đánh anh V và gây thương tích cho anh V nên vai trò của các bị cáo như nhau.

Sau khi các bị cáo Tr, T, O gây thương tích cho anh V tại Hồ Đắc Di, anh V được đưa đi cấp cứu tại khoa chấn thương bệnh viện Đa khoa tỉnh H. Khi các bị cáo T, Tr, T, O vào viện thăm Vinh, T nhìn thấy anh V Đ được cấp cứu tại đây, T quay lại chỉ cho O, Th, T, Tr biết V là người vừa đập vào đầu Vinh sau khi Vinh bị ô tô đâm. Vừa chỉ T vừa bảo bốn bị cáo còn lại vút gãy chân của V, tội đầu bị cáo T chịu. Sau khi bị cáo T nói như vậy các bị cáo O, Th, T, Tr đánh anh V vào chân nhiều nhất làm anh V bị gãy 1/3 dưới xương mác cẳng chân phải, cal lệch 1/2 thân xương và T đập vào vai và sau gáy anh V, việc bị cáo T đập vào vai và gáy anh V làm anh V bị thương tích ở thái dương, chán và trán thương sọ não. Như phân tích ở trên vai trò của bị cáo T là cầm đầu nên phải xử lý thật nghiêm, tiếp sau là vai trò của các bị cáo O, Th, T, Tr cùng tham gia đánh anh V nên vai trò của các bị cáo là bằng nhau.

Khi quyết định hình phạt HĐXX căn cứ vào hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như nhân thân của các bị cáo để quyết định khung hình phạt phù hợp với từng bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Năm 2010 bị cáo Mai Văn T bị Tòa án nhân dân tỉnh H xử phạt 08 năm tù về tội Cướp tài sản chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý do đó bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng tái phạm nguy hiểm quy định tại Điều 49 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Năm 2010 bị cáo Phương Công T bị Tòa án nhân dân tỉnh H xử phạt 08 năm tù về tội Cướp tài sản và 01 năm tù về tội Cướp giật tài sản chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý do đó bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng tái phạm nguy hiểm quy định tại Điều 49 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Năm 2011 bị cáo Vũ Văn O bị Tòa án nhân dân tỉnh H xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nay lại phạm tội do cố ý nên bị cáo O phải chịu 01 tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại Điều 49 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Các bị cáo Đào Xuân Th và Lê Xuân Tr không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Tr, T, Th, O tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, trong thời gian tạm giam, các bị cáo đã tác động với gia đình bồi thường cho người bị hại (bị cáo O đã tác động để gia đình các bị cáo còn lại bồi thường cho bị cáo vì bố mẹ bị cáo đã chết) nên mỗi bị cáo này được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Bị cáo Tr và bị cáo T đã tự nguyện đến Cơ quan điều tra đầu thú do đó hai bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo Tr có đơn của gia đình trình bày hoàn cảnh gia đình và chính quyền địa phương xác nhận xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, ông ngoại bị cáo được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến, nên bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Do bị cáo Tr được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ được qui định tại khoản 1, 2 Điều 46 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung 2009. Tại phiên tòa ngày 11/9/2018 bị cáo đã tích cực tác động để gia đình bồi thường hết phần của bị cáo phải bồi thường cho người bị hại. Nên HĐXX quyết định áp dụng điều 47 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung 2009 để quyết định mức hình phạt thấp hơn điều luật mà VKSND thành phố H truy tố. Tuy nhiên do bị cáo nhân thân xấu, có một tiền sự về hành vi sử dụng trái phép

chất ma túy nên HĐXX quyết định hình phạt tù đối với bị cáo, hình phạt HĐXX áp dụng với bị cáo trong khung liên kề để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với bị cáo T không thành khẩn, thật thà với hành vi phạm tội của mình nên không được áp dụng tình tiết, giảm nhẹ được qui định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 sửa đổi bổ sung 2009. Nhưng trong quá trình điều tra, bị cáo đã trực tiếp bồi thường (20 triệu đồng) một phần trong số tiền 100.000.000đ tại cơ quan điều tra cho người bị hại, nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ TNHS được qui định tại điểm b khoản 1 điều 46 BLHS 1999 sửa đổi bổ sung 2009.

[5] Về xử lý vật chứng: 02 gậy tròn (tuýp sắt) bằng kim loại, có cùng đường kính 2, 5 cm và dài 79 cm là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo Lê Xuân Tr, Đào Xuân Th và Mai Văn T đã tự nguyện tác động nhờ gia đình bồi thường thiệt hại cho Anh Nguyễn Văn V. Gia đình các bị cáo Tr, T, Th và bị cáo Phương Công T, bị cáo O đã tác động gia đình các bị cáo bồi thường cho bị cáo nên đã bồi thường cho anh V số tiền 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa người bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền gồm:

- Tiền thuê xe đi cấp cứu từ Hưng Yên đi bệnh viện V Đức và từ V Đức về bệnh viện đa khoa Hưng Yên là $1.200.000đ \times 2 = 2.400.000đ$

- Tiền điều trị thương tích, thuốc tại bệnh viện đa khoa tỉnh H , bệnh viện V Đức là 40.691.000đ

- Tiền bị mất thu nhập trong ba tháng ,mỗi tháng 10 triệu đồng, tổng bằng 30 triệu đồng.

- Tiền anh Nguyễn Văn Ch là anh trai anh mất thu nhập do đi chăm sóc anh trong thời gian hai tháng, mỗi tháng là 12 triệu đồng, hai tháng là 24 triệu đồng.

- Tiền tổn hại tinh thần do sức khỏe bị xâm hại là 69.500.000đ

- Tiền bồi dưỡng sức khỏe trong thời gian hai tháng, mỗi tháng ba triệu đồng, hai tháng là 6 triệu đồng.

Tổng tiền người bị hại yêu cầu bồi thường là 172.591.000đ.

Trừ số tiền các bị cáo đã bồi thường là 100 triệu đồng cho người bị hại, người bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền là 72.591.000đ và yêu cầu mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 14.518.200đ. Tại phiên tòa ngày 11/9/2018 bị cáo Tr đã tác động gia đình bồi thường 15.000.000đ cho bị hại, người bị hại đã viết giấy nhận đủ số tiền 15.000.000đ không có yêu cầu

bị cáo Tr phải bồi thường thêm, đối với số tiền bị cáo Tr bồi thường thừa cho người bị hại, bị cáo tự nguyện không lấy lại. Tại phiên tòa ngày các bị cáo Th, T, O chấp nhận bồi thường tiếp số tiền còn thiếu mỗi bị cáo là 14.518.200đ. Bị cáo T không nhất trí bồi thường nên HĐXX quyết định buộc các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền này.

[7] Về các vấn đề khác:

- Đối với hành vi có dấu hiệu của việc vi phạm pháp luật xảy ra tại quán karaoke Bình M và trên ngã tư Hồ Đắc Di – Đặng Văn Ngữ thuộc phường A, thành phố H, Cơ quan điều tra đã tách vụ việc trên thành 01 tin báo giải quyết riêng.

- Đối với người thanh niên tên Nghị (không rõ tên, tuổi và địa chỉ cụ thể) có đi cùng các bị cáo vào Bệnh viện đa khoa tỉnh H nhưng không biết và không tham gia đánh gây thương tích cho anh V nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự.

- Đối với 02 gậy bằng kim loại còn lại bị cáo Tr, O sử dụng đánh gây thương cho V trên đường từ bệnh viện về nhà các bị cáo đã vứt đi, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không thu hồi được.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu trắng xanh T sử dụng để chở O và Th đến Bệnh viện đa khoa và trở các bị cáo về nhà là xe mô tô O mua của Đỗ Thanh Tuyền, sinh năm 1987, trú tại Liên Phương, thành phố H. O và Tuyền đều không nhớ biển số xe cụ thể và không nhớ giấy tờ xe mang tên ai. Sau khi gây thương tích cho V xong O đã giao chiếc xe nêu trên cho một đối tượng tên Cường (không rõ tên tuổi địa chỉ) rồi bỏ trốn. Hiện không xác định được chiếc xe và đối tượng Cường ở đâu nên không có căn cứ để xác M, thu giữ.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu sơn trắng là xe của đối tượng tên Nghị (không rõ tên, tuổi địa chỉ của Nghị) mà bị cáo T sử dụng để chở Nghị cùng Tr vào bệnh viện thăm Vinh, sau khi gây thương cho V, T đã dùng xe này để chở Nghị đi về. T đã trả lại Nghị chiếc xe này. Hiện không ai biết Nghị và chiếc xe này ở đâu nên không có căn cứ để thu giữ.

Kiến nghị với cơ quan pháp luật xem xét hành vi M cầm ghế đập vào người anh V tại cửa quán Karaoke Bình M và hành vi Thảo điện thoại cho T, Q.

[8] Về án phí: Các bị cáo Phương Công T, Vũ Văn O, Đào Xuân Th, Mai Văn T, Lê Xuân Tr phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Phương Công T, Lê Xuân Tr, Đào Xuân Th, Vũ Văn O, Mai Văn T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 104; Điều 20; điều 53, điểm b khoản 1, khoản 2 điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Phương Công T.

Xử phạt: Bị cáo Phương Công T 06 năm 06 tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 104; Điều 20; điều 53, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Đào Xuân Th.

Xử phạt: Bị cáo Đào Xuân Th 05 năm 03 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 30/9/2017.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 104; Điều 20; điều 53, điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Vũ Văn O.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn O 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 03/10/2017.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 104; Điều 20; điều 53, điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Mai Văn T.

Xử phạt: Bị cáo Mai Văn T 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giam 30/9/2017.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 104; Điều 20; điều 53, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, 47 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Lê Xuân Tr.

Xử phạt: Bị cáo Lê Xuân Tr, 03 năm tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 20/9/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các điều 584, 585, 586, 591 BLDS 2015 buộc các bị cáo Phương Công T, Vũ Văn O, Mai Văn T, Đào Xuân Th mỗi bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho người bị hại số tiền là 14.518.200đ (*mười bốn triệu năm trăm mười tám nghìn hai trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các Tr hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi được thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung 2009; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

- Tịch thu tiêu hủy 02 gậy tròn (tuýp sắt) bằng kim loại, có cùng đường kính 2, 5 cm và dài 79 cm.

Về án phí: Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Phương Công T, Lê Xuân Tr, Đào Xuân Th, Vũ Văn O, Mai Văn T mỗi bị cáo phải phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Phương Công T, Đào Xuân Th, Vũ Văn O, Mai Văn T mỗi bị cáo phải chịu 725.910đ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt các bị cáo, người được bị hại ủy quyền, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị L, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Bùi Thị G, vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác. Báo các bị cáo, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Thêm ph,n - chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Sự Lê Tiến Dũng

Nguyễn M Ngọc